

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/4/2019

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa

Ông Sầm Dất Phấn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 616/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị B sinh năm: 1976

Nơi cư trú: ấp 6, xã G, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T sinh năm: 1972

Nơi cư trú: ấp 5, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2018, bản tường trình, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị B trình bày:

Chị Hồ Thị B và anh Hoàng Văn Th tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1994, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th thường xuyên tụ tập ăn nhậu không lo cho gia đình, vợ con. Trong cuộc sống gia đình, giữa chị B và anh Th ngày càng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống giữa vợ chồng hay xảy ra cãi nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khoảng năm 2015 đến nay, chị B và anh Th không còn sống với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị B xin ly hôn với anh Th.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị Vân A, sinh ngày 14/5/1995; Hoàng Thị Diễm M, sinh ngày: 17/01/1999 và Hoàng Dũng T, sinh ngày: 16/11/2003. Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau thì con chung là cháu T sống với anh Th. Khi ly hôn, chị B đồng ý để anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, tạm thời chị B không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với hai con chung là Hoàng Thị Vân A, sinh ngày 14/5/1995; Hoàng Thị Diễm M, sinh ngày: 17/01/1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị B không còn yêu cầu gì khác

+Theo bản tự khai ngày 26/12/2018 cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn Th trình bày:

Anh Hoàng Văn Th và chị Hồ Thị B tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1994, hai bên không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Th thừa nhận do anh hay ăn nhậu mỗi lần về nhà thì giữa vợ chồng xảy ra cãi nhau. Ngoài ra do vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ khoảng năm 2015 anh Th và chị B không còn sống với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị B xin ly hôn với anh Th thì anh Th đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị Vân A, sinh ngày 14/5/1995; Hoàng Thị Diễm M, sinh ngày: 17/01/1999 và Hoàng Dũng T, sinh ngày: 16/11/2003. Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau thì con chung là cháu T sống với anh Th. Khi ly hôn, anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, anh Th không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Đối với hai con chung là Hoàng Thị Vân A, sinh ngày 14/5/1995; Hoàng Thị Diễm M, sinh ngày: 17/01/1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Th không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện ngày 15/10/2018 của nguyên đơn chị Hồ Thị B quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hoàng Văn Th có nơi cư trú tại ấp 5, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Định Quán có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Hồ Thị B là nguyên đơn, anh Hoàng Văn Th là bị đơn trong vụ án.

[4] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình 2000; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị B và anh Hoàng Văn Th thì thấy: chị B và anh Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định (BL 01, 22). Quá trình chung sống giữa chị B và anh Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, giữa hai bên không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng nên chị B yêu cầu xin ly hôn với anh Th. Do tình cảm vợ chồng không còn anh Th đồng ý với yêu cầu của chị B (BL 01, 22). Xét quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Th tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B có yêu cầu xin ly hôn với anh Th là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do chị B và anh Th tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình 2000; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội chị B và anh Th không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung:

Chị B và anh Th có 03 con chung là Hoàng Thị Vân A, sinh ngày 14/5/1995; Hoàng Thị Diễm M, sinh ngày: 17/01/1999 và Hoàng Dũng T, sinh ngày: 16/11/2003. Khi ly hôn, chị B đồng ý để anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T.

Xét việc chị B để anh Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu T là hoàn toàn tự nguyện, được anh Th đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của cháu T muốn sống với cha (BL 23) và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Đối với hai con chung là Hoàng Thị Vân A, sinh ngày 14/5/1995; Hoàng Thị Diễm M, sinh ngày: 17/01/1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị B và anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về quyền được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ của người không nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp giao con cho anh Th được nuôi dưỡng nhưng anh Th không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của anh Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 005922 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Th tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng do chị B và anh Th không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị B và anh Th là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm c, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Áp dụng điểm b, khoản 2 Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Tuyên xử: Không công nhận chị Hồ Thị B và anh Hoàng Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Hoàng Dũng T, sinh ngày: 16/11/2003.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Hồ Thị B do anh Th không yêu cầu.

Đối với hai con chung là Hoàng Thị Vân A, sinh ngày 14/5/1995; Hoàng Thị Diễm M, sinh ngày: 17/01/1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị B và anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hồ Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 005922 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị B đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DN;
- VKSND tỉnh DN;
- VKSND HĐQ;
- THADS HĐQ;
- UBND xã P, xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường